TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Năm - Cán bộ hưu trí;

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Hiệu trưởng trường tiểu học Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1294/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2022/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: Lô B, khu phố M, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: B3, Khu dân cư Q, khu phố M, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1989

Địa chỉ: B3, Khu dân cư Q, khu phố M, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H - có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T - Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Phan Ngọc T sau một thời gian quen biết và tìm hiểu nhau thì phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 2017 đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, không tin tưởng, tôn trọng chị và gia đình chị. Mâu thuẫn càng ngày càng gay gắt khi chị có bầu, sinh con và đặc biệt là thời điểm anh, chị ra ở riêng thì tranh cãi ngày càng nhiều. Anh T có những lời lẽ thiếu tôn trọng xúc phạm chị và gia đình chị thậm chí anh T còn có những hành vi đánh, chửi chị trước mặt con do ghen tuông vô cớ. Chị và anh T đã ngồi lại nói chuyện với nhau cố gắng hòa giải những mâu thuẫn, anh T nhiều lần xin lỗi xin tha thứ, chị cũng đã tạo cơ hội cho anh T thay đổi níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Tuấn K, sinh ngày: 25/5/2018. Ly hôn chị H có nguyện vọng được giao cháu K cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Phan Ngọc T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H bắt đầu quen biết, tìm hiểu nhau từ năm 2015, sau đó tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn năm 2017 và đã được Ủy ban nhân dân phường T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng có thời gian khoảng 04 tháng thuê trọ ở Phường T, khi chị H có bầu được khoảng 05 tháng thì 02 vợ chồng dọn về ở cùng với gia đình bố mẹ vợ ở địa chỉ: Lô B, khu phố M, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đến khoảng đầu năm 2020 thì cả 02 vợ chồng và con chung dọn về địa chỉ: B3, Khu dân cư Q, khu phố M, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai chung sống đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh những mâu thuẫn nhỏ như cãi vả nhau. Đến khoảng đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn khi dọn ra ở riêng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng điểm sống và có khoảng thời gian anh suy nghĩ tiêu cực nên không tin tưởng vợ, ghen tuông. Trong lúc nóng nảy không kiềm chế được anh cũng có những lời lẽ xúc phạm và tát chị H 03 lần. Ông T đã nhận ra lỗi của mình và cùng chị H tìm cách hòa giải. Vợ chồng cũng đã nhờ bên gia đình vợ hòa giải. Anh thừa nhận lỗi có đánh, chửi vợ. Mâu thuẫn vợ chồng theo anh là đã trầm trọng, anh nghĩ là chị H không còn tình cảm với anh nhưng anh vẫn còn tình cảm, thương vợ, thương con nên anh sẽ thể hiện sự thay đổi để hòa giải mâu thuẫn. Hiện nay anh rất khó nói chuyện với chị H, những gì làm được anh đã làm hết rồi. Nhưng anh nghĩ nếu có thêm thời gian anh sẽ làm chị H thay đổi ý định ly hôn nên đề nghị Tòa án cho thêm khoảng thời gian 01 năm để hòa giải với chị H. Anh không đồng ý ly hôn,

anh sẽ làm văn bản cam kết với chị H sẽ thay đổi tính tình, mong muốn có thêm thời gian, cơ hội chung sống với chị H để thể hiện sự thay đổi như cam kết, nếu hết khoảng thời gian này chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Tuấn K, sinh ngày: 25/5/2018. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh sẽ đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi con và sẽ cấp dưỡng 10.000.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung: Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, thì anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị H được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cháu Phan Tuấn K, sinh ngày: 25/5/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng mỗi tháng sau khi ly hôn của anh T; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phan Ngọc T, chị Nguyễn Thị H đang cư trú tại: B3, Khu dân cư Q, khu phố M, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Ngọc T làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2018, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93/2018 ngày 06/4/2018. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, hôn nhân giữa chị H, anh T là hôn nhân hợp pháp.

Theo biên bản xác minh ngày 09/6/2022 thì địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T. Tuy nhiên, chị H, anh T đều xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống; anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, ghen tuông vô cớ, không tin tưởng chị H, có những hành vi và lời nói không tôn trọng chị H. Chị H, anh T và gia đình chị H đã tìm cách hòa giải mâu thuẫn vợ chồng anh, chị nhưng không có kết quả. Anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện nay không thể nói chuyện được với chị H. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhưng chị H đề nghị không tiến hành hòa giải, anh T vắng mặt không có lý do nên có cơ sở chứng minh chị H đã cương quyết ly hôn; anh T bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm và hàn gắn gia đình, mặc dù chính anh T trình bày vẫn còn tình cảm với chị H, đề nghị Tòa án tạo điều kiện hòa giải, để chị H thay đổi ý định ly hôn.

Từ những nhận định trên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn anh T.

[2.2]. Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh T có 01 con chung tên Phan Tuấn K, sinh ngày: 25/5/2018. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Anh T cũng đồng ý giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đồng mỗi tháng nếu Tòa án chấp nhận cho chị H ly hôn. Hiện nay, chị H có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đồng mỗi tháng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt cho con chung, theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đồng mỗi tháng.

[2.3]. Về tài sản chung: chị H, anh T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: chị H, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phan Ngọc T.

2. Về con chung: giao cháu Phan Tuấn K, sinh ngày: 25/5/2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên cấp dưỡng không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương đương với thời gian chậm cấp dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: chị H, anh T xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: chị H, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002496 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND ND nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Công